

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (Công ty mẹ) và Công ty con (gọi chung là Công ty) đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129 ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ

48.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 043 736 69 84

Fax : 043 568 22 40

E-mail : tsthn@hn.vnn.vn

Mã số thuế : 0 1 0 1 3 3 4 1 2 9

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	657 – Trần Cao Vân, Phường Thanh Khê Đông, Quận Thanh Khê
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Thành phố Cần Thơ	42 Quang Trung, Khu đô thị Phú An, Phường Phú Thù, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Tây Nguyên	Số 170/51 đường Mai Hắc Đế, Phường Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	196/3 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Bảo dưỡng – Đo kiểm	Số 164 phố Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 1	Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị	Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Đo kiểm các công trình viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo quy định hiện hành; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình nhà cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, tin học.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Huawei - TST Việt Nam	Số 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội	Số 01030119669 ngày 19 tháng 9 năm 2007	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty có quyết định giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Viễn Thông tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 24 tháng 6 năm 2013, Công ty có quyết định giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Viễn Thông – Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 41).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Đồng	Chủ tịch	18 tháng 5 năm 2009	
Nguyễn Đình Tuấn	Phó Chủ tịch	18 tháng 5 năm 2009	
Trần Bá Chung	Ủy viên	18 tháng 5 năm 2009	24 tháng 7 năm 2013
Quách Văn Minh	Ủy viên	18 tháng 5 năm 2009	24 tháng 7 năm 2013
Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	18 tháng 5 năm 2009	
Phan Sỹ Kiên	Ủy viên	24 tháng 7 năm 2013	
Vũ Thành Trung	Ủy viên	24 tháng 7 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Vũ Tiến Dương	Trưởng Ban	18 tháng 5 năm 2009	24 tháng 7 năm 2013
Phạm Nhật Quang	Thành viên	18 tháng 5 năm 2009	
Đặng Phan Dũng	Thành viên	18 tháng 5 năm 2009	24 tháng 7 năm 2013
Hoàng Thị Nghĩa Ninh	Thành viên	24 tháng 7 năm 2013	
Phan Thị Phương Dung	Thành viên	24 tháng 7 năm 2013	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Đồng	Tổng Giám đốc	12 tháng 11 năm 2008	14 tháng 01 năm 2013
Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	18 tháng 01 năm 2013	
Nguyễn Hữu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 4 năm 2010	29 tháng 6 năm 2012
Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 4 năm 2013	
Đặng Phan Dũng	Phó Tổng Giám đốc	13 tháng 3 năm 2013	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

Ngày 28 tháng 8 năm 2103



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 347/2013/BCTC-KTTV-KT2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Viễn thông TST gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp nhất niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013, từ trang 08 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2012 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 29 tháng 3 năm 2013 có dạng ý kiến ngoại trừ về việc không thể thu thập bằng chứng kiểm toán và thỏa mãn về các số liệu của chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, do đó không thể ước tính ảnh hưởng của các khoản mục này (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Số liệu của Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Khoản mục	31 tháng 12 năm 2012	Năm 2012
Phải thu thương mại thuần	1.580.320.866	
Phải thu khác	5.214.841.259	
Hàng tồn kho	1.327.799.572	
Tài sản khác	7.360.194.130	
	15.483.155.827	
		Doanh thu 715.297.359
		Giá vốn (3.363.711.156)
		Lỗ gộp (2.648.413.797)
Phải trả thương mại	2.805.658.539	
Chi phí phải trả	6.435.909.994	
Chi phí phải trả khác	1.855.161.984	
	11.096.730.517	

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.499.775.729	149.091.916.264
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.954.379.233	12.111.208.154
1. Tiền	111		2.954.379.233	12.111.208.154
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.500.000.000	3.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.500.000.000	3.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.011.732.718	99.948.634.645
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	52.984.149.010	80.047.884.064
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.942.637.104	3.349.678.397
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	27.633.233.515	24.749.359.095
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(8.548.286.911)	(8.198.286.911)
IV. Hàng tồn kho	140		13.429.760.376	15.229.250.619
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.816.983.178	15.616.473.421
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(387.222.802)	(387.222.802)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.603.903.402	18.302.822.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.695.112.662	350.085.289
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.779.425	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	184.968.428	677.947.530
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	9.716.042.887	17.274.790.027

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.817.227.003	63.420.212.130
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.390.114.532	45.341.623.500
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	17.279.164.219	19.157.479.046
Nguyên giá	222		64.904.636.960	68.065.970.820
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.625.472.741)	(48.908.491.774)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	25.056.636.677	25.129.830.818
Nguyên giá	228		25.891.037.818	25.911.037.818
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(834.401.141)	(781.207.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	1.054.313.636	1.054.313.636
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.196.603.592	17.977.198.077
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	12.306.603.592	12.087.198.077
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	5.890.000.000	5.890.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		230.508.879	101.390.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	165.133.879	36.015.553
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	65.375.000	65.375.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		169.317.002.732	212.512.128.394

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		70.371.369.376	112.781.756.998
I. Nợ ngắn hạn	310		69.917.369.376	112.781.756.998
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	18.933.853.704	27.451.570.732
2. Phải trả người bán	312	V.20	11.170.740.797	34.643.495.686
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	2.487.527.283	938.989.635
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	3.348.468.860	4.428.357.342
5. Phải trả người lao động	315		1.408.631.176	3.179.091.647
6. Chi phí phải trả	316	V.23	12.755.337.166	13.697.972.041
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	17.465.166.520	28.392.471.252
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.25	2.279.565.207	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	68.078.663	49.808.663
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		454.000.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		454.000.000	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.27	82.129.120.213	83.202.400.159
I. Vốn chủ sở hữu	410		82.129.120.213	83.202.400.159
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.699.560.000	49.699.560.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.898.259.436	8.094.619.201
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.036.018.507	2.280.450.093
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		34.646.426	845.287.608
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(26.539.364.156)	(25.717.516.743)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		16.816.513.143	16.527.971.237
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		169.317.002.732	212.512.128.394

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

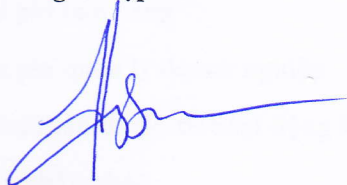
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		489,41	8.159,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu



Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu



Tổng Giám đốc

Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	27.714.124.229	38.456.463.021
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.714.124.229	38.456.463.021
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	25.189.198.183	36.218.959.598
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.524.926.046	2.237.503.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	65.785.569	66.772.389
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.157.642.995	2.231.822.904
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.005.961.374	1.937.312.874
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	200.385.154	2.081.387.934
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.679.280.589	6.716.143.125
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.446.597.123)	(8.725.078.151)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.801.923.839	603.981.363
12. Chi phí khác	32	VI.8	101.123.636	164.286.622
13. Lợi nhuận khác	40		2.700.800.203	439.694.741
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		219.405.515	77.244.328
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		473.608.595	(8.208.139.082)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.156.250	39.658.317
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		470.452.345	(8.247.797.399)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		19.252.812	350.711.713
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		451.199.533	(8.598.509.112)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	94	(1.791)

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		473.608.595	(8.208.139.082)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.715.386.716	2.486.286.905
- Các khoản dự phòng	03		350.000.000	10.673.391
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	66.885.337	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(591.863.636)	(143.960.095)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.005.961.374	1.937.312.874
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.019.978.386	(3.917.826.007)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		31.198.175.229	32.914.574.472
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.799.490.243	7.906.625.300
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(32.565.072.166)	(30.314.841.945)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.238.023.447)	153.711.948
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.079.123.466)	(1.937.312.874)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(516.880.779)	(115.282.717)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.503.922.527	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.998.850.275)	(879.429.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		123.616.252	3.810.219.086
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(575.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	591.863.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		213.268.000	66.715.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		805.131.636	(508.284.233)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

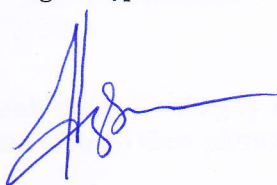
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.050.489.890	14.490.543.380
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.698.054.291)	(21.050.792.676)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.438.012.408)	(303.881.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.085.576.809)	(6.864.130.546)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.156.828.921)	(3.562.195.693)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.111.208.154	8.144.421.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.954.379.233	4.582.225.541

Người lập biểu



Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ**

: Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh**

: Xây dựng và lắp đặt

3. **Ngành nghề kinh doanh**

:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

4. **Tổng số các công ty con**

:

1

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

1

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

0

5. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Huawei - TST Việt Nam	Số 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội	51%	51%

6. **Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina - OFC	Số 1, ngõ Núi Trúc, Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội	25%	25%

7. **Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 151 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 193 nhân viên).

8. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ**

Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty có quyết định giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Viễn Thông tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 6 năm 2013, Công ty có quyết định giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Viễn Thông – Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật viễn thông (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 12
Máy móc và thiết bị	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí giải thể chi nhánh

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí giải thể chi nhánh Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong kỳ được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong kỳ vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty.	Căn cứ theo điều lệ công ty	Không quá 5%.
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Căn cứ theo điều lệ công ty	Không quá 5%.
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Căn cứ theo điều lệ công ty	Không quá 5%.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	30/6/2013 :	21.130 VND/USD 2.701 VND/HKD
	31/12/2012:	20.810 VND/USD 2.659 VND/HKD

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	870.595.394	997.522.624
Tiền gửi ngân hàng	1.733.783.839	10.763.685.530
Các khoản tương đương tiền	350.000.000	350.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	350.000.000	350.000.000
Cộng	2.954.379.233	12.111.208.154

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	2.000.000.000	2.000.000.000
Cho Ông Lê Việt An vay với lãi suất 15%/tháng/năm	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	3.500.000.000	3.500.000.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án Các công trình Viễn thông (PMT) –VNPT	14.889.778.948	20.065.569.974
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco	11.968.575.086	1.063.004.421
Trung tâm thông tin Di động Khu Vực 5 - Công ty Thông tin di động	370.722.000	7.414.440.000
Trung tâm thông tin Di động Khu Vực 1 - Công ty Thông tin di động	1.390.199.160	4.540.987.000
Huawei-Technologies Co., Ltd	494.118.499	494.118.499
Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam	4.604.941.041	4.017.706.573
Ban quản lý dự án Cấp quang biển	2.203.726.795	2.203.726.795
Viễn Thông Phú Thọ	857.289.119	857.289.119
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông khu vực I (GPCI)	812.539.476	2.159.710.576
Viễn thông Cà Mau	794.201.319	1.827.267.319
Huawei Tech Investment Co., Limited	669.579.625	482.379.625
Viễn thông Bắc Giang	599.784.108	599.784.108
Ban quản lý dự án KV I - Công ty Viễn thông liên tỉnh	594.059.713	2.779.411.900
Ban triển khai dự án Vinaphone	565.483.986	565.483.986
Viễn thông Lâm Đồng	552.559.228	552.559.228
Các đối tượng khác	11.616.590.907	30.424.444.941
Cộng	52.984.149.010	80.047.884.064

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
ZTE Comporation	104.275.000	104.275.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PTS	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Xây dựng –Thương mại – Dịch vụ An Lộc Phát	79.560.000	79.560.000
Công ty TNHH Sản xuất & Dịch vụ thương mại Kim Long	70.290.000	70.290.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Thanh toán Điện lực và Viễn thông	3.114.538.560	-
Huawei technologies Co., Ltd	-	668.749.206
Các đối tượng khác	473.973.544	2.326.804.191
Cộng	3.942.637.104	3.349.678.397

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	33.232.000	246.500.000
Phải thu cán bộ công nhân viên	3.272.553.787	132.529.299
Phải thu tạm ứng công trình	1.526.239.882	2.060.878.237
Phải thu từ khối lượng công trình đã hoàn thành	116.000.000	12.170.103.533
Phải thu Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	4.329.251.164	4.329.251.164
Phải thu về các khoản thuế nhập khẩu ủy thác	1.358.466.390	601.711.846
Phải thu từ quỹ phúc lợi	771.270.100	1.610.518.292
Phải thu về Dự án dịch chuyển hệ thống MDF Bắc Giang và Dự án dịch chuyển tuyến cống bể và cáp thông tin Tuyên Quang	2.768.170.000	-
Dự thu khoản Huawei Technologies Co., Ltd giảm giá bán thiết bị cho Công ty	1.778.527.747	1.778.527.747
Các khoản phải thu khác	11.679.522.445	1.819.338.977
Cộng	27.633.233.515	24.749.359.095

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	8.198.286.911	903.774.052
Trích lập dự phòng bổ sung	350.000.000	7.294.512.859
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	8.548.286.911	8.198.286.911

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.111.429.311	2.799.328.041
Công cụ, dụng cụ	175.071.902	176.809.902
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.327.788.121	10.363.174.151
Hàng hóa	2.090.893.844	2.277.161.327
Hàng gửi đi bán	111.800.000	-
Cộng	13.816.983.178	15.616.473.421

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	387.222.802	570.683.574
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(183.460.772)
Số cuối kỳ	387.222.802	387.222.802

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	-	54.909.085
Chi phí bảo hiểm	141.220.805	293.376.204
Chi phí công cụ dụng cụ	202.925.961	1.800.000
Chi phí kinh doanh trong kỳ chờ kết chuyển	1.350.965.896	-
Cộng	1.695.112.662	350.085.289

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	177.444.821	142.038.641
Thuế xuất, nhập khẩu	-	143.526.640
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	5.523.607	6.557.658
Các loại thuế khác	2.000.000	385.824.591
Cộng	184.968.428	677.947.530

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	8.907.733.490	14.451.836.069
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	808.309.397	2.822.953.958
Cộng	9.716.042.887	17.274.790.027

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.147.824.820	26.890.137.607	14.179.286.496	3.692.418.097	156.303.800	68.065.970.820
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(157.784.777)	(2.382.139.807)	(621.409.276)	-	(3.161.333.860)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.382.139.807)	(13.200.000)	-	(2.395.339.807)
Ghi giảm đối với tài sản không đủ điều kiện là TSCĐ	-	(157.784.777)	-	(608.209.276)	-	(765.994.053)
Số cuối kỳ	23.147.824.820	26.732.352.830	11.797.146.689	3.071.008.821	156.303.800	64.904.636.960

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 3.508.627.048 21.008.394.530 8.972.557.200 2.809.876.942 36.299.455.720

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	9.513.950.468	23.541.827.599	12.381.392.160	3.372.880.715	98.440.832	48.908.491.774
Tăng do khấu hao trong kỳ	876.875.171	525.537.512	157.391.175	70.363.405	13.025.316	1.643.192.579
Giảm trong kỳ	-	(124.588.486)	(2.382.139.807)	(419.483.319)	-	(2.926.211.612)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.382.139.807)	(13.200.000)	-	(2.395.339.807)
Ghi giảm đối với tài sản không đủ điều kiện là TSCĐ	-	(124.588.486)	-	(406.283.319)	-	(530.871.805)
Số cuối kỳ	10.390.825.639	23.942.776.625	10.156.643.528	3.023.760.801	111.466.148	47.625.472.741

Giá trị còn lại

Số đầu năm	13.633.874.352	3.348.310.008	1.797.894.336	319.537.382	57.862.968	19.157.479.046
Số cuối kỳ	12.756.999.181	2.789.576.205	1.640.503.161	47.248.020	44.837.652	17.279.164.219

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 23.514.764.264 VND và 14.549.732.669 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.731.037.818	180.000.000	25.911.037.818
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ đối với tài sản không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Số cuối kỳ	25.731.037.818	160.000.000	25.891.037.818
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		160.000.000	160.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	604.440.156	176.766.844	781.207.000
Tăng do khấu hao trong kỳ	69.960.985	2.233.152	72.194.137
Giảm trong kỳ đối với tài sản không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ	-	(18.999.996)	(18.999.996)
Số cuối kỳ	674.401.141	160.000.000	834.401.141
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.126.597.662	3.233.156	25.129.830.818
Số cuối kỳ	25.056.636.677	-	25.056.636.677

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 25.731.037.818 VND và 25.056.636.677 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình Nhà Cần Thơ.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần cáp Quang Việt Nam Vina – OFC, là một công ty thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 tại Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ (số đầu năm là 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina - OFC	12.087.198.077	219.405.515	-	12.306.603.592
Cộng	12.087.198.077	219.405.515	-	12.306.603.592

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động	96.000	960.000.000	96.000	960.000.000
Cộng		5.890.000.000		5.890.000.000

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	-	9.554.546	(530.817)	9.023.729
Chi phí giải thể Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	155.614.315	-	155.614.315
Chi phí trả trước dài hạn khác	36.015.553		(35.519.718)	495.835
Cộng	36.015.553	165.168.861	(36.050.535)	165.133.879

18. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Bắc Ninh	12.894.825.090	9.540.622.987
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hà Nội	6.039.028.614	17.910.947.745
Cộng	18.933.853.704	27.451.570.732

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	27.451.570.732
Số tiền vay phát sinh	6.050.489.890
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-
Lãi CLTG đánh giá lại cuối năm	129.847.373
Số tiền vay đã trả	(14.698.054.291)
Số cuối kỳ	18.933.853.704

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**20. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Huawei Tech Investment Co., Ltd	2.074.186.175	13.151.617.736
Công ty TNHH Smatec	-	2.948.876.250
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao DKD	-	1.257.911.424
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	525.606.060	-
Huawei International Pte., Ltd	430.316.269	430.316.269
Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ NPT	461.507.200	461.507.200
Công ty TNHH Thương mại & Đầu tư Minh Giang	691.262.000	691.262.000
Công ty TNHH Vật tư thiết bị Công nghiệp Hà nội	434.717.250	445.635.300
Công ty Cổ phần Hệ thống Công nghệ Sinh Phúc	-	1.566.765.200
Công ty TNHH Techconvina dịch vụ chăm sóc kỹ thuật toàn diện cho nhà máy	-	710.475.120
Các đối tượng khác	6.553.145.843	12.979.129.187
Cộng	11.170.740.797	34.643.495.686

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Viễn Thông Quảng Ninh	1.314.439.848	-
Viễn Thông Tuyên Quang	133.152.455	-
Công ty Mạng lưới Viettel - TD Viễn thông Quân Đội	96.190.000	96.190.000
Viễn thông Hà Nội	-	306.725.999
Các đối tượng khác	943.744.980	536.073.636
Cộng	2.487.527.283	938.989.635

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Điều chỉnh phân loại trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.472.878.255	3.091.606.684	-	(3.547.717.822)	1.016.767.117
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	528.376.794	28.185.421	(528.376.794)	(28.185.421)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(143.526.640)	(315.022.213)	459.606.192	(1.057.339)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.025.131.745	3.156.250	-	(516.880.779)	1.511.407.216
Thuế thu nhập cá nhân	232.670.004	152.713.563	(77.533.607)	(235.726.007)	72.123.953
Thuế nhà đất	-	458.118	-	(458.118)	-
Tiền thuê đất	-	29.700.000	-	(29.700.000)	-
Các loại thuế khác	(383.490.735)	149.297.411	947.692.881	(150.297.411)	563.202.146
Cộng	3.732.039.423	3.140.095.234	801.388.672	(4.510.022.897)	3.163.500.432

Trong đó:

	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.348.468.860
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(184.968.428)
Cộng	3.163.500.432

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	473.608.595
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(176.855.801)
- Các khoản điều chỉnh tăng	42.549.714
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.294.668
Chi phí không có hóa đơn chứng từ	41.255.046
- Các khoản điều chỉnh giảm	(219.405.515)
<i>Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</i>	<i>(219.405.515)</i>
Thu nhập chịu thuế	296.752.794
Thu nhập được miễn thuế	-
Lỗi các năm trước được chuyển	(254.669.466)
Thu nhập tính thuế	42.083.328
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>10.520.832</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(4.208.332)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(3.156.250)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.156.250

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí công trình	6.481.463.789	2.147.926.715
Chi phí kiểm toán trích trước	-	173.836.727
Chi phí lãi vay trích trước	-	73.162.092
Các khoản chi phí khác	20.455.308	4.867.136.513
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.253.418.069	6.435.909.994
Cộng	12.755.337.166	13.697.972.041

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	290.615.636	69.536.922
Kinh phí công đoàn	580.618.460	435.949.470
Phải trả nhân viên thực hiện công trình	2.648.431.981	17.629.516.346
Phải trả cổ tức	5.149.489.417	6.587.501.825
Thuế TNCN của lao động phổ thông	77.533.607	1.555.431
Phải trả tiền nhận trước của hoạt động ủy thác nhập khẩu	1.141.785.119	990.669.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.576.692.300	2.677.741.508
Cộng	17.465.166.520	28.392.471.252

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản chi phí dự phòng bảo hành công trình.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do phân loại lại	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	-	966.380.334	-	(966.380.334)	-
Quỹ phúc lợi	49.808.663	53.300.000	150.000.000	(185.030.000)	68.078.663
Cộng	49.808.663	1.019.680.334	150.000.000	(1.151.410.334)	68.078.663

27. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	49.699.560.000	8.094.619.201	2.280.450.093	845.287.608	(25.717.516.743)	83.202.400.159
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	451.199.533	451.199.533
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	208.490.496	(358.490.496)	(150.000.000)
Kết chuyển số dư quỹ khuyến mại khách hàng đã lập năm 2011 sang Quỹ khen thưởng phúc lợi theo quyết định của HĐQT	-	-	-	-	(1.019.680.334)	-	(1.019.680.334)
Điều chỉnh do xác định lại lợi ích cổ đông thiểu số theo báo cáo công ty con đã được kiểm toán	-	-	803.640.235	(244.431.586)	548.656	(914.556.450)	(354.799.145)
Số dư cuối năm kỳ	48.000.000.000	49.699.560.000	8.898.259.436	2.036.018.507	34.646.426	(26.539.364.156)	82.129.120.213

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	48.000.000.000	48.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	49.699.560.000	49.699.560.000
Cộng	97.699.560.000	97.699.560.000

Lợi ích cổ đông thiểu số

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của CĐTS	14.972.250.000	14.972.250.000
Quỹ Đầu tư phát triển	1.160.731.251	697.609.227
Quỹ Dự phòng tài chính	135.110.772	624.429.613
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	33.904.246	33.589.829
Lợi nhuận chưa phân phối	514.516.874	200.092.568
Cộng	16.816.513.143	16.527.971.237

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	27.714.124.229	38.456.463.021
- Doanh thu bán hàng hóa	641.517.084	5.695.196.255
- Doanh thu của dịch vụ bảo dưỡng	1.476.650.000	538.337.981
- Doanh thu của hoạt động xây lắp, lắp đặt	24.039.107.662	29.708.986.351
- Doanh thu của dịch vụ sửa chữa, ứng cứu	295.366.500	1.561.705.433
- Doanh thu của dịch vụ đo kiểm	77.272.165	-
- Doanh thu khác	1.184.210.818	952.237.001
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	27.714.124.229	38.456.463.021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	144.000.000	6.263.081.763
Giá vốn của dịch vụ bảo dưỡng	1.347.314.611	235.208.306
Giá vốn của hoạt động xây lắp, lắp đặt	21.840.594.863	27.991.428.530
Giá vốn của hoạt động sửa chữa, ứng cứu	236.243.797	1.174.110.239
Giá vốn của dịch vụ đo kiểm	6.481.773	-
Giá vốn khác	1.614.563.139	555.130.760
Cộng	25.189.198.183	36.218.959.598

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	58.096.787	66.715.767
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.688.782	56.622
Cộng	65.785.569	66.772.389

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.005.961.374	1.937.312.874
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.309.957	70.019.083
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	66.885.337	11.579.706
Chi phí tài chính khác	13.486.327	212.911.241
Cộng	1.157.642.995	2.231.822.904

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	140.444.324	366.167.505
Chi phí vật liệu, bao bì	9.255.000	500.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	277.783.863
Chi phí bảo hành	-	359.803.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.689.830	50.180.797
Chi phí bằng tiền khác	25.996.000	1.026.951.849
Cộng	200.385.154	2.081.387.934

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	885.360.777	2.659.642.981
Chi phí đồ dùng văn phòng	93.818.989	117.051.793
Chi phí khấu hao TSCĐ	396.644.431	562.427.882
Thuế, phí và lệ phí	56.580.463	91.332.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.807.224.246	2.615.204.708
Chi phí bằng tiền khác	439.651.683	670.483.354
Cộng	3.679.280.589	6.716.143.125

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	591.863.636	-
Công nợ không rõ đối tượng	293.502.492	230.504.770
Hoàn nhập chi phí trích thừa từ những năm trước	915.527.982	361.201.124
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	679.883.750	-
Thu nhập khác	321.145.979	12.275.469
Cộng	2.801.923.839	603.981.363

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	75.312	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	15.710.485	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.294.668	14.683.486
Chi phí không có hóa đơn chứng từ	41.255.046	-
Chi phí khác	42.788.125	149.603.136
Cộng	101.123.636	164.286.622

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	451.199.533	(8.598.509.112)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	451.199.533	(8.598.509.112)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.800.000	4.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	94	(1.791)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.800.000	4.800.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.800.000	4.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và thưởng	187.591.163	543.040.060
Cộng	187.591.163	543.040.060

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.954.379.233	12.111.208.154
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	44.435.862.099	71.849.597.153
Các khoản cho vay	1.500.000.000	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	22.936.854.143	23.833.762.225
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	5.890.000.000
Cộng	79.717.095.475	117.184.567.532

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.954.379.233	-	-	-	2.954.379.233
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	44.435.862.099	-	-	8.548.286.911	52.984.149.010
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	22.936.854.143	-	-	-	22.936.854.143
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	-	-	-	5.890.000.000
Cộng	79.717.095.475	-	-	8.548.286.911	88.265.382.386
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.111.208.154	-	-	-	12.111.208.154
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	71.849.597.153	-	-	8.198.286.911	80.047.884.064
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	23.833.762.225	-	-	-	23.833.762.225
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	-	-	-	5.890.000.000
Cộng	117.184.567.532	-	-	8.198.286.911	125.382.854.443

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	18.933.853.704	-	18.933.853.704
Phải trả người bán	11.170.740.797	-	11.170.740.797
Các khoản phải trả khác	21.279.620.301	-	21.279.620.301
Cộng	51.384.214.802	-	51.384.214.802
Số đầu năm			
Vay và nợ	27.451.570.732	-	27.451.570.732
Phải trả người bán	34.643.495.686	-	34.643.495.686
Các khoản phải trả khác	20.641.451.932	-	20.641.451.932
Cộng	82.736.518.350	-	82.736.518.350

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn./Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và HKD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	HKD	USD	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	489,41	-	8.159,12	-
Các khoản phải thu khác	153.063,08	-	153.063,08	-
Vay và nợ	(322.846,00)	(2.292.222,17)	(409.656,00)	(3.114.242,17)
Phải trả người bán	(571.766,08)	-	(24.460,47)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(741.059,59)	(2.292.222,17)	(272.894,27)	(3.114.242,17)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 313.171.783VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 113.578.595VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước./Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này tăng/giảm so với kỳ trước.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và HKD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 124.238.442VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 165.615.399VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước./Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này tăng/giảm so với kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	VND	USD	HKD	VND	USD	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
Vay và nợ	(18.933.853.704)	(322.846,00)	(2.292.222,17)	(27.451.570.732)	(409.656,00)	(3.114.242,17)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(18.583.853.704)	(322.846,00)	(2.292.222,17)	(27.101.570.732)	(409.656,00)	(3.114.242,17)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 371.677.074VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 542.031.415VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước./Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất kỳ này tăng/giảm so với kỳ trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.954.379.233	-	12.111.208.154	-	2.954.379.233	12.111.208.154
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	52.984.149.010	(8.548.286.911)	80.047.884.064	(8.198.286.911)	44.435.862.099	71.849.597.153
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	22.936.854.143	-	23.833.762.225	-	22.936.854.143	23.833.762.225
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	-	5.890.000.000	-	5.890.000.000	5.890.000.000
Cộng	88.265.382.386	(8.548.286.911)	125.382.854.443	(8.198.286.911)	79.717.095.475	117.184.567.532

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	18.933.853.704	27.451.570.732	18.933.853.704	27.451.570.732
Phải trả người bán	11.170.740.797	34.643.495.686	11.170.740.797	34.643.495.686
Các khoản phải trả khác	21.279.620.301	20.641.451.932	21.279.620.301	20.641.451.932
Cộng	51.384.214.802	82.736.518.350	51.384.214.802	82.736.518.350

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.

4. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo báo cáo hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) tại Hà Nội.

Người lập biểu

Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên